

Số: /BC-UBND

Chợ Mới, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết 01 năm 06 tháng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Kính gửi:

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;
- Đảng ủy xã Chợ Mới.

Thực hiện Công văn số 6641/UBND-KGVX ngày 06/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tham mưu xây dựng báo cáo và tự đánh giá kết quả thực hiện phục vụ Hội nghị sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Ủy ban nhân dân xã Chợ Mới báo cáo kết quả sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả nổi bật nhất qua 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, UBND xã Chợ Mới đã bám sát chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và điều kiện thực tiễn của địa phương để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhìn chung, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có chuyển biến tích cực, các nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai đồng bộ hơn, gắn với cải cách hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở. Qua đó, đã có những kết quả nổi bật như sau:

Một là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương được tăng cường, cụ thể hóa bằng nhiều văn bản triển khai. UBND xã đã ban hành, triển khai nhiều kế hoạch, công văn liên quan đến Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch hành động số 15-KH/TU

ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh với nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt.

Hai là, chính quyền số tiếp tục được đẩy mạnh, giảm dần phương thức xử lý thủ công. UBND xã tích cực đưa vào sử dụng các Hệ thống dùng chung như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT với 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cấp tài khoản và xử lý văn bản trên môi trường mạng; 100% văn bản do UBND xã phát hành là văn bản điện tử và có chữ ký số; 100% cán bộ, công chức, viên chức có chữ ký số và hộp thư điện tử công vụ; Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và của các bộ, ngành được đưa vào vận hành ổn định giúp nâng cao hiệu quả trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 09/6/2026, UBND xã Chợ Mới đã tiếp nhận, giải quyết 3711 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến 3645/3711 đạt 98,46%; số hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn 3593/3599 hồ sơ đạt 99,8%, hồ sơ quá hạn 06 hồ sơ; hồ sơ thanh toán trực tuyến 2366/2367 đạt 99,96%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 3594/3599 hồ sơ đạt 99,9%; Tỷ lệ cấp kết quả điện tử: 3569/3682 hồ sơ đạt 96,9%.

Bốn là, hạ tầng số cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ tại cơ sở. 100% thôn trên địa bàn xã được phủ sóng internet cáp quang; mạng di động 4G, 5G phủ sóng 100% dân số; Hệ thống loa truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin được duy trì tại 27 thôn.

Năm là, công tác tuyên truyền tập huấn, phổ cập kỹ năng số được triển khai rộng rãi, thường xuyên với nhiều nhóm đối tượng. Hoạt động truyền thông được triển khai qua hệ thống loa truyền thanh xã với 60 tin bài; Trang thông tin điện tử và mạng xã hội facebook được 89 tin bài, tổ chức tập huấn cho cán bộ công chức được 01 lớp với hơn 100 lượt người tham dự; tổ chức và phối hợp tổ chức tập huấn cho tổ công nghệ số cộng đồng được 02 lớp với gần 300 lượt người tham dự...

2. Chuyển biến quan trọng nhất so với thời điểm mới ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW

Chuyển biến quan trọng nhất là việc chuyển đổi số đã chuyển từ giai đoạn tuyên truyền, triển khai rời rạc sang giai đoạn tổ chức thực hiện có kế hoạch, có đầu mối, có chỉ tiêu và có sản phẩm cụ thể. UBND xã đã phân công nhiệm vụ cho từng phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, cán bộ phụ trách; phân công một Phó Chủ tịch UBND xã làm đầu mối điều phối chung; Phòng Văn hóa - Xã hội làm đầu mối tham mưu, tổng hợp kết quả định kỳ.

Nhận thức và hành động của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được nâng lên rõ rệt qua đó khẳng định chủ trương của Đảng và nhà nước về phát triển khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tiễn.

3. Những tồn tại, điểm nghẽn lớn hiện nay đang cản trở tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện

Hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa thực sự đồng bộ. Kinh phí dành cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế so với yêu cầu thực tế. Trên địa bàn chưa có doanh nghiệp hoạt động chuyên sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chưa hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quy mô địa phương.

Kỹ năng số của một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi và người dân ở khu vực nông thôn còn hạn chế; việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và ứng dụng số trong đời sống chưa thực sự đồng đều. Việc thay đổi thói quen từ phương thức truyền thống sang môi trường số cần thêm thời gian và sự hỗ trợ thường xuyên từ các cơ quan, đơn vị và Tổ công nghệ số cộng đồng. Các nội dung chuyên sâu như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số, an toàn thông tin, kinh tế dữ liệu, định giá tài sản trí tuệ chưa có điều kiện triển khai ở xã

4. Sau 1,5 năm, năng lực cạnh tranh mới hoặc mô hình phát triển mới nào đã bắt đầu hình thành tại địa phương

Sau 1,5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, trên địa bàn xã bước đầu hình thành các mô hình ứng dụng công nghệ số và khoa học công nghệ gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương như: mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng, mô hình Thanh toán không dùng tiền mặt. Các mô hình này góp phần nâng cao kỹ năng số cho người dân, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đời sống và từng bước đưa khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới.

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành gắn với vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tiếp tục được Đảng ủy, HĐND, UBND xã quan tâm thực hiện quyết liệt, đồng bộ, gắn với phương châm “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả”. So với thời điểm đầu năm 2025, việc triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng thực chất, bám sát nhiệm vụ chính trị, cải cách hành chính và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

UBND xã đã chủ động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch, văn bản triển khai nhiệm vụ; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và bộ phận chuyên môn trong quá trình thực hiện. Việc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý, điều hành, xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tiếp tục được đẩy mạnh; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước từng bước được nâng cao.

Thông qua sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy, chính quyền địa phương, các nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số, phổ cập chữ ký số công cộng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất đã được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tạo thuận lợi cho người dân trong tiếp cận các dịch vụ số và từng bước thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào đời sống và sản xuất trên địa bàn xã.

Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để chỉ đạo tháo gỡ, bảo đảm các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, đúng tiến độ. UBND xã duy trì chế độ báo cáo hằng tháng, quý; tổ chức sơ kết, tổng kết hằng năm để đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp phù hợp.

1.2. Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại; khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ; tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp...

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa phương đã góp phần nâng cao tính chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các nhiệm vụ được giao cơ bản được cụ thể hóa bằng kế hoạch, phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và đầu mối thực hiện.

Công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn, các tổ chức đoàn thể và Tổ công nghệ số cộng đồng từng bước được tăng cường; nhiều nội dung trước đây triển khai riêng lẻ nay đã được lồng ghép đồng bộ với cải cách hành chính, chuyển đổi số và phong trào “Bình dân học vụ số”.

Thông qua việc duy trì các hệ thống dùng chung của tỉnh, việc xử lý văn bản, điều hành công việc, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương được thực hiện ổn định, hạn chế tình trạng xử lý thủ công; việc trao đổi thông tin giữa các bộ phận được thuận lợi hơn, góp phần giảm thời gian xử lý công việc và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân.

Các mô hình chuyển đổi số cộng đồng bước đầu tạo được sự lan tỏa tại cơ sở; người dân đã từng bước tiếp cận các nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Đối với các hợp tác xã, hộ kinh doanh và sản phẩm OCOP trên địa bàn, việc hỗ trợ quảng bá trên môi trường số đã góp phần mở rộng hình thức giới thiệu sản phẩm, nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng thông qua website và các nền tảng trực tuyến.

Một số khó khăn trước đây như việc sử dụng chữ ký số, tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và khai thác các hệ thống dùng chung từng bước được cải thiện thông qua công tác tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp tại cơ sở.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn khó khăn do kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế; nhiều điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ ít nên việc cài đặt và sử dụng nhiều ứng dụng số còn gặp khó khăn; nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ thông tin tại xã còn thiếu, chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm.

(Có Phụ lục I kèm theo).

2. Về việc thực thi nhiệm vụ được giao

Các nhiệm vụ được triển khai cơ bản bảo đảm tiến độ theo kế hoạch; mục tiêu, nội dung thực hiện từng bước được cụ thể hóa gắn với điều kiện thực tế của địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của cơ quan.

Tổng số nhiệm vụ được giao: 34, trong đó:

(1) Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 34/34 (số nhiệm vụ hoàn thành trong hạn: 34/34, số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 0 nhiệm vụ);

(2) Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ;

(3) Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn: 0 nhiệm vụ

Tại Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, kết luận theodoinq.dcs.vn, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch 02 trên địa bàn xã, UBND xã đã hoàn thành 34/34 nhiệm vụ của giai đoạn 2.

3. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP)

Hiện nay, việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống pagn.nq57.vn được thực hiện tập trung ở cấp tỉnh; đối với xã thực hiện xử lý khi có nội dung được chuyển giao theo thẩm quyền. UBND xã đã quán triệt cán bộ, công chức theo dõi, sẵn sàng phối hợp xử lý kịp thời khi phát sinh nội dung thuộc phạm vi quản lý.

Tổng số PAKN, SKGP đã nhận được: 0.

Số PAKN, SKGP đã giải quyết: 0.

Số PAKN, SKGP tồn đọng/chưa được giải quyết: 0.

(Có Phụ lục II kèm theo).

II. VỀ HOÀN THIỆN THẺ CHẾ, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Trong thời gian qua, UBND xã Chợ Mới tập trung triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đến nay địa phương chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền. Tuy nhiên, để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, UBND xã đã ban hành nhiều kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến chuyển đổi số, Đề án 06, phong trào Bình dân học vụ số, Chiến dịch 100 ngày số hóa, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, phổ cập chữ ký số công cộng và các nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ trên địa bàn.

So với đầu năm 2025, việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các nhiệm vụ được triển khai ngày càng đồng bộ, bám sát yêu cầu thực tiễn của địa phương; nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được nâng cao. Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất từng bước mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân.

Đối với các nội dung về cơ chế đặt hàng công nghệ theo đầu ra, mua sắm công đổi mới sáng tạo, nghiệm thu sản phẩm công nghệ theo kết quả vận hành, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), định giá tài sản trí tuệ, định giá dữ liệu, định giá sản phẩm nghiên cứu và phát triển (R&D), cơ chế góp vốn, chuyển nhượng, thế chấp tài sản trí tuệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, vốn môi, đồng đầu tư và các cơ chế đặc thù khác, trên địa bàn xã chưa phát sinh nội dung thuộc phạm vi triển khai, thực hiện.

(Có Phụ lục III kèm theo).

III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã: 385 thủ tục; số lượng TTHC trực tuyến toàn trình: 160 thủ tục, một phần: 225 thủ tục. Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ tháng 01/7/2025 đến hết ngày 09/6/2026:

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận theo kỳ báo cáo, lũy kế: 3.711 hồ sơ. Số hồ sơ nộp trực tuyến: 3654 hồ sơ, số hồ sơ nộp trực tiếp 57 hồ sơ; Số hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang: 0 hồ sơ; số hồ sơ đã giải quyết 3.599 hồ sơ, đều giải quyết đúng và trước hạn; số hồ sơ đang giải quyết 112 hồ sơ.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 2.366/2.367 hồ sơ đạt 99,96%.

+ Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 3.594/3.599 hồ sơ đạt 99,9%.

+ Tỷ lệ cấp kết quả điện tử: 3.569/3.682 hồ sơ đạt 96,9%.

- Kết quả các chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVCTT (theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ); kết quả cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp; cung cấp DVCTT phi địa giới hành chính; việc liên thông, tái sử dụng dữ liệu.

+ Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt: 100%.

+ Mức độ hài lòng của người dân đạt 18/18 điểm.

+ Công khai minh bạch đạt 18/18 điểm.

+ Thanh toán trực tuyến đạt 10/10 điểm.

+ Tiến độ giải quyết công việc đạt 19,9/20 điểm.

+ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 21.54

Việc kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được thực hiện hiệu quả; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 98%.

+ Dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; các dịch vụ công trực tuyến phi địa giới hành chính được triển khai theo quy định. Công tác liên thông, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

- Kết quả việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; cắt giảm điều kiện kinh doanh theo các nghị quyết của Chính phủ.

UBND xã thường xuyên thực hiện rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; kịp thời phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết và các quy định còn vướng

mắc trong quá trình thực hiện. Việc đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu đã góp phần giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân. Trong kỳ báo cáo, địa phương chưa có nội dung đề xuất cắt giảm điều kiện kinh doanh.

- Kết quả triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

UBND xã duy trì việc khai thác, sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đồng bộ dữ liệu theo quy định.

- Việc triển khai các ứng dụng (trong đó có VNeID), dịch vụ, tiện ích số tại các ngành, lĩnh vực, cơ quan.

UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số công cộng và các tiện ích số trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Đánh giá kết quả đạt được: So với đầu năm 2025, việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đã có nhiều chuyển biến tích cực, tạo thuận lợi hơn cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và cấp kết quả điện tử góp phần giảm hồ sơ giấy, giảm số lần đi lại, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính. Công tác liên thông, tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được đẩy mạnh, hạn chế việc người dân phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và cơ quan nhà nước.

- Đối với nhóm thủ tục chuyên biệt có thể gây điểm nghẽn cho thị trường công nghệ cần phải rà soát, cắt giảm như: thủ tục thử nghiệm công nghệ; sandbox; đặt hàng công nghệ; mua sắm công nghệ; thành lập phòng thí nghiệm; đầu tư vào khu công nghệ cao; định giá tài sản trí tuệ; chia sẻ, khai thác dữ liệu; thủ tục đất đai, xây dựng cho R&D, phòng lab.

Qua rà soát, trên địa bàn xã không phát sinh các thủ tục thuộc phạm vi giải quyết của UBND xã liên quan đến thử nghiệm công nghệ, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), thành lập phòng thí nghiệm, đầu tư khu công nghệ cao, định giá tài sản trí tuệ hoặc các thủ tục phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Do đó, địa phương không có nội dung báo cáo về các thủ tục nghẽn và phương án cắt giảm đối với nhóm thủ tục này.

(Có Phụ lục IV kèm theo)

2. Về hạ tầng, kiến trúc số

- Hạ tầng viễn thông trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập internet và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số. So với đầu năm 2025, hạ tầng viễn thông tiếp tục được cải thiện; 100% thôn trên địa bàn xã được phủ sóng internet cáp quang; mạng di động 4G, 5G phủ sóng 100% dân số; Hệ thống loa truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin được duy trì tại 27 thôn.

- UBND xã đã trang bị hệ thống máy tính, mạng nội bộ, đường truyền internet và các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn. Hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và khai thác các hệ thống thông tin dùng chung; bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan.

- So với đầu năm 2025, hạ tầng số trên địa bàn xã đã có bước phát triển tích cực, đặc biệt là việc mở rộng phủ sóng mạng 5G. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường điện tử, bảo đảm hoạt động ổn định của các hệ thống thông tin và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

3. Về các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực

UBND xã tiếp tục triển khai, khai thác và sử dụng hiệu quả các nền tảng số quốc gia và nền tảng số dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, tài khoản định danh điện tử VNeID và các nền tảng phục vụ thực hiện Đề án 06 của Chính phủ.

So với đầu năm 2025, việc khai thác, sử dụng các nền tảng số ngày càng thường xuyên, hiệu quả hơn; tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường điện tử được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, tổ chức.

(Có Phụ lục V kèm theo)

4. Về dữ liệu số

- Tiến độ xây dựng, đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương và Nghị quyết số 11 của Chính phủ.

UBND xã thực hiện khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin dùng chung theo phân cấp, hướng dẫn

của cơ quan có thẩm quyền, phục vụ công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ.

- Việc số hóa hồ sơ TTHC, DVC, dữ liệu chuyên ngành (đất đai, môi trường, hộ tịch, y tế, giáo dục,...).

Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 99,9%. Dữ liệu hộ tịch điện tử được cập nhật, khai thác theo quy định; các dữ liệu chuyên ngành khác được quản lý, sử dụng trên các hệ thống chuyên ngành của cấp có thẩm quyền.

- Mức độ đúng, đủ, sạch, sống của dữ liệu; kết nối, chia sẻ, liên thông, mở dữ liệu; mức độ khai thác, sử dụng dữ liệu trong công tác nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ công, điều hành, quản lý nhà nước; khả năng thay thế hồ sơ giấy bằng dữ liệu; những CSDL còn chậm, còn thiếu dữ liệu, khó khai thác hoặc chưa phát huy hiệu quả.

Việc kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được thực hiện hiệu quả; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 98%. Dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cơ bản bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, từng bước giảm việc sử dụng hồ sơ giấy. Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa do cấp xã quản lý nên việc khai thác, sử dụng phụ thuộc vào tiến độ cập nhật, hoàn thiện của cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Đánh giá kết quả thực chất đạt được với 3 cấp độ dữ liệu

So với đầu năm 2025, công tác số hóa hồ sơ, khai thác và sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính đã có nhiều chuyển biến tích cực. Dữ liệu từng bước được chuẩn hóa, liên thông và tái sử dụng hiệu quả hơn; việc khai thác dữ liệu điện tử trong xử lý công việc ngày càng được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm giấy tờ và tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

(Có Phụ lục V kèm theo)

5. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- Kết quả về đào tạo, hướng dẫn, tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân tham gia chuyển đổi số:

UBND xã đã tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được 01 lớp với hơn 50 lượt người tham dự; tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm giải quyết TTHC trên Nền tảng "Bình dân học vụ số" được 100% lượt cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND xã tham gia; tập huấn cho tổ công nghệ số cộng đồng được 02 lớp với gần 300 lượt người tham dự.

- Việc bố trí nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại địa phương:

UBND xã đã bố trí 01 công chức chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin; 01 công chức phụ trách chuyển đổi số, tham mưu triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn.

- Đánh giá những kết quả đạt được:

So với đầu năm 2025, nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn đã được nâng lên rõ rệt. Công tác đào tạo, tập huấn được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao khả năng sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc, học tập và đời sống. Đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức của xã đã được tiếp cận, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản theo yêu cầu, góp phần đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương.

(Có Phụ lục VII kèm theo)

6. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

So với các trụ cột chuyển đổi số, phát triển kinh tế số tại xã khá khiêm tốn do đặc thù xã nông nghiệp và quy mô kinh doanh nhỏ lẻ, chưa có doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo, chưa có mô hình CDS trong doanh nghiệp mang tính lan toả. Hoạt động kinh tế số trên địa bàn tập trung ở thương mại điện tử, hỗ trợ đưa sản phẩm kinh tế lên sàn thương mại điện tử. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận các nền tảng số để ứng dụng vào sản xuất, hướng dẫn các doanh nghiệp có hướng chuyển đổi số nhằm tiết kiệm nhân công, tăng sản lượng đầu ra... Xây dựng, phát triển thị trường thương mại số phát triển bền vững, ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong cộng đồng.

Triển khai đồng bộ hoạt động chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục, y tế trên địa bàn. Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng tăng; các hộ kinh doanh nhỏ lẻ đã tích hợp mã QR để hỗ trợ thanh toán trực tuyến, tạo thuận lợi cho người dân và du khách.

UBND xã đã ban hành quyết định thành lập 27 tổ công nghệ số cộng đồng với tổng số người tham gia là 147 người nhằm thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. 100% Tổ công nghệ số cộng đồng được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số.

Đẩy mạnh phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ Internet đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G; khuyến khích người dân, doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử. Trên 98% dân số trưởng thành trên địa bàn có điện thoại thông minh.

Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm, trẻ hoá dân số có kỹ năng số, phấn đấu 100% dân số trong độ tuổi 15 -70 có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, tham gia tương tác, an toàn trên môi trường số.

Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu pháp luật, bảo đảm tích hợp, dùng chung nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

So với đầu năm 2025, nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân đã được nâng lên; việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, sản xuất và đời sống ngày càng được mở rộng, góp phần thúc đẩy phát triển xã hội số trên địa bàn.

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả đạt được

Trong thời gian qua, UBND xã Chợ Mới đã quan tâm thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống; từng bước đưa các thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể; chưa hình thành mô hình doanh nghiệp chuyên sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trên địa bàn xã không có doanh nghiệp hoạt động về KHCN, ĐMST, CDS

UBND xã chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, chính sách hỗ trợ khi có nhu cầu.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng số và trí tuệ nhân tạo trong xử lý công việc chuyên môn từng bước được quan tâm, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tham mưu và hiệu quả giải quyết công việc.

2. Về mô hình hợp tác “3 Nhà”, khu công nghệ cao, khu đô thị thông minh

Trên địa bàn xã chưa hình thành mô hình hợp tác “Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp”; chưa có khu công nghệ cao, khu đô thị thông minh.

3. Về ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Xã Chợ Mới không xây dựng hệ thống trí tuệ nhân tạo độc lập. Xã đang tiến hành thử nghiệm AI hỗ trợ công việc cho cán bộ, công chức, viên chức, dự kiến đầu tư mua sắm phần mềm AI nhằm phủ sóng AI trong xây dựng chính quyền số.

4. Tồn tại, hạn chế

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã chủ yếu tập trung vào ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ hiện có; chưa có các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ quy mô lớn;

Quy mô kinh tế còn nhỏ, số lượng doanh nghiệp ít. Trên địa bàn xã không có cụm, khu công nghiệp; chưa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao và các dự án công nghệ.

Nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; việc tiếp cận các công nghệ mới của người dân và một số cơ sở sản xuất, kinh doanh còn gặp khó khăn.

5. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội.

Khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, phát triển các mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên khi có tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong hoạt động quản lý nhà nước, cải cách hành chính và phục vụ người dân.

(Có Phụ lục VIII kèm theo)

V. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

1. Kết quả thực hiện

Năm 2026, tổng kinh phí bố trí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 523 triệu đồng. Đến thời điểm báo cáo đã giải ngân: hơn 78 triệu đồng.

UBND xã đã rà soát các nội dung chi, bảo đảm bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; chủ động lồng ghép nhiệm vụ vào các chương trình, kế hoạch chuyên môn; ưu tiên bố trí kinh phí cho nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực được giao.

2. Về quản lý tài chính theo cơ chế quỹ

UBND xã không tổ chức Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS được thực hiện theo cơ chế ngân sách nhà nước hiện hành. Nguyên nhân là theo phân cấp quản lý tài chính, cấp xã không có thẩm quyền thành và vận hành quỹ chuyên ngành.

3. Khó khăn, hạn chế

Kinh phí được cấp cơ bản đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số tại địa phương, không phát sinh khó khăn, vướng mắc.

4. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị các cấp có thẩm quyền tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực cho địa phương để đầu tư hạ tầng số và triển khai các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chuyên sâu.

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CDS

UBND xã không trực tiếp triển khai hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia, tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các lĩnh vực công nghệ cao khác.

Trong kỳ báo cáo, trên địa bàn không phát sinh hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; không triển khai, ký kết chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với đối tác nước ngoài.

Xã thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp quản lý, phối hợp triển khai các nội dung liên quan theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Chợ Mới đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được nâng cao; các nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, bám sát chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Các chỉ tiêu về hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, tái sử dụng dữ liệu đạt kết quả tích cực. Phong trào Bình dân học vụ số được triển khai sâu rộng; các mô hình ứng dụng AI, thanh toán không dùng tiền mặt bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên trình độ, kỹ năng số của người dân còn chưa đồng đều, mô hình sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ chưa áp dụng được các mô hình ứng dụng KHCN có quy mô lớn, chưa hình thành mô hình CDS chuyên sâu, chưa có doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS trên địa bàn. Trong thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn.

Một số bài học kinh nghiệm được rút ra như: Công tác triển khai thực hiện phải có sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của người đứng đầu; phải phân công rõ người, rõ việc, rõ thời hạn, rõ sản phẩm; Chuyển đổi số cần gắn với lợi ích cụ thể của người dân và doanh nghiệp; tổ công nghệ số cộng đồng là lực lượng quan trọng trong đưa chuyển đổi số đến cơ sở; dữ liệu, hạ tầng, nhân lực và kinh phí cần được triển khai đồng bộ.

Phần 2

HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

I. HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

1. Phổ cập kỹ năng số thông qua truyền thông đa kênh và Tổ công nghệ số cộng đồng

- Vấn đề giải quyết: Nhận thức, kỹ năng số của một bộ phận người dân chưa đồng đều; cần hình thức tuyên truyền gần dân, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Giải pháp thực hiện: Tuyên truyền qua loa truyền thanh, Trang thông tin điện tử, Facebook, Zalo, hội nghị, sinh hoạt chi bộ, họp thôn; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Kết quả định lượng: Hoạt động truyền thông được triển khai qua hệ thống loa truyền thanh xã với 60 tin bài; Trang thông tin điện tử và mạng xã hội facebook được 89 tin bài.

- Tác động: Tăng nhận thức xã hội, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số.

- Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá: Lãnh đạo UBND xã trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai và theo dõi kết quả thực hiện.

(Có Phụ lục IX kèm theo)

Phần 3

MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẼN

I. CÁC NỘI DUNG CÒN HÌNH THỨC, CHƯA THỰC CHẤT

Nhìn chung, các nhiệm vụ, hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn được triển khai gắn với nhu cầu thực tế, không có nội dung chỉ dừng ở việc hoàn thành thủ tục hoặc báo cáo mà không tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, ở một số nội dung tuyên truyền, tập huấn chuyển đổi số, mức độ tiếp cận và khả năng ứng dụng thực tế của người dân còn chưa đồng đều; một bộ phận người dân vẫn cần được hỗ trợ khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số, do đó hiệu quả khai thác sau tập huấn chưa thực sự đồng đều giữa các nhóm đối tượng.

II. NHỮNG TỒN TẠI, ĐIỂM NGHẼN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Nhiệm vụ quá hạn, nhiệm vụ tồn đọng, nhiệm vụ quan trọng

Trên địa bàn xã không có nhiệm vụ quá hạn hoặc tồn đọng thuộc phạm vi quản lý của UBND xã liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Điểm nghẽn về thể chế

Cấp xã chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, hướng dẫn và chỉ đạo của cấp trên; chưa có nhiều cơ chế, chính sách đặc thù để chủ động thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Một số nhiệm vụ mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần sự hướng dẫn, hỗ trợ đồng bộ từ các cơ quan chuyên môn cấp trên trong quá trình tổ chức thực hiện.

Nguyên nhân chủ yếu do thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách thuộc cấp trên.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Các cơ quan chuyên môn cấp trên tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ triển khai; địa phương chủ động tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Điểm nghẽn về chuyển đổi số

Hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở chưa thực sự đồng bộ. Kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc khai thác hiệu quả các dịch vụ số.

Một số hệ thống, nền tảng số trong quá trình sử dụng đôi khi còn xảy ra tình trạng quá tải hoặc lỗi kỹ thuật, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc tại cơ sở.

Nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực đầu tư còn hạn chế; một số hệ thống dùng chung được triển khai trên phạm vi rộng, số lượng người dùng lớn.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Địa phương tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số; các cơ quan chuyên môn, đơn vị quản trị hệ thống tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng và các nền tảng dùng chung.

4. Điểm nghẽn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn chủ yếu tập trung ở mức ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn; chưa hình thành các mô hình nghiên cứu, đổi mới sáng tạo quy mô lớn. Việc ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất và đời sống còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của người dân và khả năng tiếp cận nguồn lực hỗ trợ.

Không có doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS trên địa bàn. Chưa có mô hình hợp tác 3 Nhà, khu công nghệ cao, đô thị thông minh. Chưa có dự án công nghệ cao, dự án R&D.

Nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực đầu tư hạn chế, quy mô kinh tế địa phương còn nhỏ.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Các cơ quan chuyên môn tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; địa phương tăng cường tuyên truyền, khuyến khích người dân ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và đời sống.

5. Điểm nghẽn về tài chính, giải ngân

Nguồn kinh phí bố trí cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chủ yếu đáp ứng các nhiệm vụ thường xuyên, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ quy mô lớn.

Nguyên nhân chủ yếu do khả năng cân đối ngân sách địa phương còn khó khăn.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Địa phương chủ động sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao; các cấp có thẩm quyền tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực cho cơ sở.

6. Điểm nghẽn về nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao cho phát triển KHCN và ĐMST

Mặc dù đã bố trí công chức chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin, chuyển đổi số, song nguồn nhân lực có trình độ chuyên sâu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và các công nghệ mới tại xã còn hạn chế; việc tiếp cận, cập nhật kiến thức chuyên môn đối với các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu

số và chuyển đổi số chuyên sâu chủ yếu thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

Nguyên nhân chủ yếu do xã chưa có điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên gia trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Địa phương tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan chuyên môn cấp trên tăng cường tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ cơ sở.

7. Các vấn đề khác có liên quan: Không.

Phần 4

NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG NỔI BẬT, ĐÓNG GÓP CHO TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

1. Phát triển dịch vụ công trực tuyến và chính quyền số

- Cơ chế tác động: Giảm thời gian, chi phí xử lý thủ tục, nâng cao hiệu quả quản trị công.

- Tác động: Tăng minh bạch, giảm giấy tờ, cải thiện môi trường phục vụ người dân, doanh nghiệp

2. Phổ cập hạ tầng số đến thôn

- Cơ chế tác động: Phủ sóng 100% internet cáp quang; mạng 4G, 5G được phủ sóng 100%; Hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng CNTT được duy trì tại 27 thôn.

- Tác động: Bảo đảm người dân, hộ kinh doanh có điều kiện tiếp cận dịch vụ số, thương mại điện tử, thanh toán số.

3. Triển khai Đề án 06 và các tiện ích số cho người dân

- Cơ chế tác động: Tăng khả năng định danh, xác thực điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, giảm chi phí giao dịch xã hội

- Tác động: Thay đổi thói quen của Nhân dân, giúp người dân tiếp cận các tiện ích số trong học tập, lao động, sản xuất hàng ngày

4. Hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi số

- Cơ chế tác động: Tăng năng lực quản trị, bán hàng, thanh toán, kê khai thuế, từng bước thúc đẩy kinh tế số.

- Tác động: Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; giúp cơ quan nhà nước kiểm soát được nguồn thu thuế; công khai, minh bạch trong thu nhập của hộ kinh doanh; giúp thúc đẩy thương mại điện tử.

II. ĐỀ NGHỊ NGHIÊN CỨU, ĐÁNH GIÁ

Qua thực tiễn triển khai tại cơ sở cho thấy, việc huy động các nguồn lực xã hội cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn. Nguồn lực đầu tư của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu tập trung vào sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ; chưa hình thành các dự án đầu tư lớn về công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển.

Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, đánh giá đầy đủ xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư giữa các lĩnh vực sản xuất, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các lĩnh vực khác; đồng thời tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân đầu tư vào sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

Đề nghị tiếp tục hoàn thiện hệ thống dữ liệu số, dữ liệu đất đai, quy hoạch, đầu tư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường công khai, minh bạch thông tin để tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; góp phần thu hút các nguồn lực xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Phần 5

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Cơ quan chủ trì: UBND xã Chợ Mới

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, các thôn

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, đúng tiến độ; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

2. Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Cơ quan phối hợp: Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Duy trì tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt 100%; tiếp tục nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, tỷ lệ số hóa hồ sơ, tỷ lệ cấp kết quả điện tử và tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu.

3. Nâng cao chất lượng phong trào Bình dân học vụ số và kỹ năng số cho người dân

Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Cơ quan phối hợp: Các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng, các thôn.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Tiếp tục nâng cao kỹ năng số cho người dân; tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số công cộng, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số.

4. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất và đời sống

Cơ quan chủ trì: Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường

Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã có liên quan.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Duy trì, phát huy hiệu quả các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ; nghiên cứu nhân rộng các mô hình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

5. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan chuyên môn cấp trên.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng công nghệ mới phục vụ công tác chuyên môn.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp cơ sở.

Đề nghị tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi trong quá trình khai thác, sử dụng tại cơ sở.

Đồng thời, đề nghị nghiên cứu ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các Tổ công nghệ số cộng đồng tại xã nhằm phát huy hiệu quả vai trò tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và tham gia chuyển đổi số tại cơ sở.

(Có Phụ lục X kèm theo)

Trên đây là Báo cáo kết quả sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của UBND xã Chợ Mới.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VHXX.huonght.

CHỦ TỊCH

Trần Mạnh Cường

CÁC PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2026 của Ủy ban nhân dân xã
Chợ Mới)

1. Phụ lục I. Công tác chỉ đạo, điều hành, hiệu quả đem lại

STT	Số văn bản đã ban hành		Số phiên họp/cuộc họp		Các phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu đã áp dụng	Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại	Khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ	Tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp
	Người đứng đầu trực tiếp ký	Cấp phó người đứng đầu ký	Người đứng đầu chủ trì	Cấp phó người đứng đầu chủ trì				
	156	102	02 (BCĐ do ĐU xã thành lập)		Chỉ đạo, điều hành thông qua hệ thống quản lý văn bản điện tử, hệ thống thông tin giải quyết TTHC, nền tảng số và các nhóm công việc trực tuyến	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, kỹ năng số cho người dân; triển khai hiệu quả các mô hình “Bình dân học vụ số”, tiếp cận AI và thanh toán không dùng tiền mặt	Từng bước hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế	Nâng cao hiệu quả xử lý công việc tại cơ quan nhà nước; tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện TTHC và tiếp cận các dịch vụ số

2. Phụ lục II. Phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp tốt, có giá trị thực tiễn

Việc giải quyết những phản ánh, kiến nghị

STT	Nhóm PAKN/SKGP xuất hiện nhiều		Những điểm nghẽn được phản ánh?	Đã giải quyết dứt điểm chưa?
	PAKN/SKGP mới	PAKN/SKGP được đề cập kéo dài hoặc lặp lại		
	0	0		

Những sáng kiến, giải pháp

STT	Nội dung PAKN/SKGP	Cơ quan/Tổ chức/Cá nhân đề xuất	Giá trị thực tiễn có thể mang lại	Kiến nghị của cơ quan giải quyết để SKGP có thể triển khai, áp dụng
	Không có			

3. Phụ lục III. Danh sách thể chế, chính sách đã ban hành, cần ban hành: Không có.

4. Phụ lục IV. Bảng số liệu thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến

- Số thủ tục hành chính hiện nay: 411, trong đó:

STT	Số TTHC
1	Cấp xã
	385

- Số dịch vụ công trực tuyến hiện nay: 385, trong đó:

STT	Cấp xã	
1	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần
	160	225

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm 2026 và lũy kế đến hiện tại (08/6/2026):

STT	Số hồ sơ trực tuyến		Số hồ sơ trực tiếp và hình thức khác	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại
1	Cấp Xã			

	2.731	3.711	0	0
--	-------	-------	---	---

5. Phụ lục V. Danh mục nền tảng số quốc gia, chuyên ngành, dùng chung

UBND xã chủ yếu khai thác, sử dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số chuyên ngành và nền tảng dùng chung do Trung ương, cấp tỉnh triển khai phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

6. Phụ lục VI. Tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

UBND xã không trực tiếp triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hiện chủ yếu khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung do Trung ương và cấp tỉnh triển khai, phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

7. Phụ lục VII. Việc bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, địa phương

STT	Số biên chế được giao	Số người đã được bố trí	Số người còn thiếu	Lý do chưa bố trí đủ	Ghi chú
1	59	02	01	Thiếu nhân lực có chuyên môn phù hợp	

8. Phụ lục VIII. Danh mục công nghệ chiến lược/sản phẩm công nghệ chiến lược: Không có.

9. Phụ lục IX. Danh mục một số kết quả đột phá

STT	Vấn đề cần giải quyết	Giải pháp thực hiện	Cơ chế, chính sách, nền tảng, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực... đã sử dụng	Nguồn lực, kinh phí và thời gian triển khai	Kết quả định lượng	Tác động đối với người dân, doanh nghiệp, bộ máy nhà nước	Bài học và điều kiện nhân rộng	đánh giá tác động rủi ro khi nhân rộng (nếu có)	Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá (nếu có)	Đầu mối liên hệ
1	Nhận thức, kỹ năng số của một bộ phận người dân chưa	Phổ cập kỹ năng số thông qua truyền thông đa kênh và Tổ công nghệ	Phong trào Bình dân học vụ số; điện thoại thông minh, internet,	Thực hiện năm 2026, kinh phí 27,7	147 thành viên Tổ công nghệ số đồng trang kiến thức,	Tăng nhận thức xã hội, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng, hỗ trợ người	Cách làm đơn giản, chi phí thấp, dễ triển		Lãnh đạo UBND xã trực tiếp chỉ đạo xây	Chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội xã Chợ

đồng đều; cần hình thức tuyên truyền gần dân, dễ hiểu, dễ thực hiện.	số cộng đồng	các nền tảng AI phổ biến; cán bộ, công chức chuyên môn, Tổ công nghệ số cộng đồng, các đoàn thể	triệu đồng, từ nguồn kinh phí chuyển đổi số	nâng cao nhận thức, kỹ năng số	dân tiếp cận dịch vụ số.	khai tại các địa phương khác.		dựng kế hoạch, tổ chức triển khai và theo dõi kết quả thực hiện.	Mới.
--	--------------	---	---	--------------------------------	--------------------------	-------------------------------	--	--	------

10. Phụ lục X. Danh mục đề xuất kiến nghị của các cơ quan, địa phương

STT	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền xem xét, quyết định	Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị	Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị	Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn	Thời hạn hoàn thành
I	Nhóm vấn đề cơ quan, địa phương tự xử lý được, nêu rõ cam kết và thời hạn hoàn thành					
1	Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia “Bình dân học vụ số”, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và nền tảng số	UBND xã Chợ Mới	UBND xã Chợ Mới	Tổ công nghệ số cộng đồng, các đoàn thể	Nâng cao kỹ năng số cho người dân	6 tháng cuối năm 2026
II	Nhóm vấn đề cần sở, ngành hướng dẫn, phối hợp hoặc tháo gỡ					
1	Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Bổ sung kinh phí	Năm 2026
2	Đề nghị tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi trong quá trình khai thác, sử dụng tại cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành cấp tỉnh	Hệ thống thông tin đồng bộ	Năm 2026
3	Đề nghị sớm ban hành quy định về tiêu chuẩn bố trí công chức vào các vị trí chuyên trách CNTT,	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Văn bản hướng dẫn	Năm 2026

	ATTT, CDS để thực hiện hỗ trợ theo Nghị định 179/NĐ-CP					
4	Đề nghị nghiên cứu ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, xã nhằm phát huy hiệu quả vai trò tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và tham gia chuyển đổi số tại cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Kinh phí hỗ trợ	Năm 2026